

HỌC VIỆN THÁNH GIUSE – DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Ngôn Sứ
Giáo sư hướng dẫn: Giuse Maria Cao Gia An, S.J.

Ngôn Sứ - Người Nói Lời Hy Vọng
Phân Tích Và Chủ Giải Ed 37,1-14

Học viên thực hiện
Tôma-Thiện Nguyễn Đăng Trung, S.J.
Email: dangtrungsjvn@gmail.com

Tháng 4 năm 2021

Mục Lục

Dẫn Nhập	1
1. Tác Giả - Tác Phẩm Và Cấu Trúc Bản Văn.....	1
1.1. Tác Giả - Tác Phẩm.....	1
1.2. Cấu Trúc Ed 37,1-14	2
2. Những Bộ Xương Khô - Hoàn Cảnh Của Dân Ít-Ra-En	4
2.1. Tình Trạng Tội Lỗi.....	4
2.2. Tình Trạng Tuyệt Vọng	6
2.3. Tình Trạng Lưu Đày	6
3. Ngôn Sứ Là Người Có Kinh Nghiệm Để Nói Về Niềm Hy Vọng	7
3.1. Kinh Nghiệm Nhìn Thấy Sự Hiện Diện Của Chúa Trong Nghịch Cảnh.....	8
3.2. Kinh Nghiệm Về Niềm Hy Vọng Biết Cây Dưa Nơì Chúa	9
3.3. Kinh Nghiệm Về Sự Tái Sinh Nhờ Thần Khí.....	10
Kết Luận.....	12
Thư Mục Tham Khảo.....	16

Dẫn Nhập

Trong dòng lịch sử dân Chúa, những vị được kêu gọi làm ngôn sứ có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng. Ngôn sứ là người đồng hành và hướng dẫn dân Chúa. Vị ngôn sứ luôn thấu hiểu và mang lấy nỗi lòng của dân, khẩn cầu cho dân. Đồng thời, vị ngôn sứ còn là người trung gian thực thi sứ mạng nói Lời của Chúa cho dân. Có khi thông điệp Chúa gửi đến dân ngang qua vị ngôn sứ là lời lên án và sửa dạy. Nhưng cũng có khi sứ điệp ấy là lời đem lại hy vọng và an ủi cho dân trong những hoàn cảnh bi đát và tuyệt vọng nhất. Bằng lối trình bày vận dụng nhiều biện pháp văn chương, sử dụng nhiều hình ảnh và hành động tượng trưng, trình thuật Ed 37,1-14 là một ví dụ minh họa rõ nét sứ mạng ấy của vị ngôn sứ Ê-dê-ki-en, là người nói lời hy vọng.

Để tìm hiểu chân dung vị ngôn sứ như là người nói lời hy vọng trong trình thuật Ed 37,1-14, trước hết bài viết sẽ tìm hiểu khái quát tác giả tác phẩm và cấu trúc của Ed 37,1-14 (phần 1). Thứ đến, bài viết sẽ phân tích về hoàn cảnh của dân Ít-ra-en (phần 2). Kế đó, bài viết tiếp tục với phần tìm hiểu những đặc nét của chân dung vị ngôn sứ - người nói lời hy vọng cho dân (phần 3), và đi đến một vài phản tỉnh áp dụng sau cùng.

1. Tác Giả - Tác Phẩm Và Cấu Trúc Bản Văn

1.1. Tác Giả - Tác Phẩm

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en thuộc nhóm người Ít-ra-en bị bắt đi trong cuộc lưu đày lần thứ nhất năm 597. Ông thuộc tầng lớp thế gia, có trình độ, và là một tư tế đền thờ. Sau bốn năm trên đất lưu đày Ba-by-lon (593), Ê-dê-ki-en nhận được ơn gọi làm ngôn sứ (cf. Ed 1,1; 2,2-7; 3,10-11). Hoạt động ngôn sứ của Ê-dê-ki-en kéo dài trong khoảng 20 năm. Sứ mạng ngôn sứ của Ê-dê-ki-en diễn ra trong bối cảnh dân đang trải qua cuộc khủng hoảng nội tâm sâu sa.

Dân mất đất, đền thờ, tư tế, và cả căn tính của mình (cf. Ed 33,21. 27-29). Sứ điệp của sách Ê-dê-ki-en được đánh dấu bằng hai cung giọng rất khác nhau. Thứ nhất là cung giọng lên án và hạch tội, vang lên để kêu gọi Giê-ru-sa-lem phải bỏ những đường lối bất trung với Chúa, và cho dân biết cuộc lưu đày vẫn chưa phải tai họa cuối cùng, vì sự sụp đổ chắc chắn của Giê-ru-sa-lem trong một ngày không xa sẽ xảy đến. Tuy nhiên, sau biến cố thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ năm 586/587, sứ điệp và cung giọng của ông chuyển sang an ủi và khích lệ nhằm khơi dậy niềm hy vọng cho dân, khi dân đang lâm vào cảnh đau khổ và tuyệt vọng nhất.

Bố cục của sách ngôn sứ Ê-dê-ki-en có thể được chia thành 3 phần rõ ràng: phần 1 (ch.1-24) là lời lẽ đe dọa, chống lại Giu-đa và Giê-ru-sa-lem; phần 2 (ch.25-32) là sấm ngôn hạch tội các dân ngoại; và phần 3 (ch.33-48) là lời loan báo tương lai tốt đẹp, mang lại niềm hy vọng cho dân sau khi thành đã mất.

Thị kiến “những bộ xương khô” (Ed 37,1-14) nằm trong phần 3. Đây là trình thuật theo cách của một thị kiến,¹ và là một trong số các thị kiến lớn của sách (Ed 1; 8; 37; 40). Trình thuật này mặt khác có thể được xem là trích đoạn nổi tiếng nhất của ngôn sứ Ê-dê-ki-en.²

1.2. Cấu Trúc Ed 37,1-14

Đoạn trình thuật Ed 37,1-14 có thể được chia thành hai phần khá tách biệt với lõi là câu 11. Nếu phần đầu (cc. 1-10) trình bày về thị kiến với bối cảnh xoay quanh hình ảnh

¹ Khung cảnh mở đầu trình thuật có sự xuất hiện của các hình ảnh và hành động như “cấu trúc mở đầu” của một thị kiến: “tay Đức Chúa đặt trên tôi” (Ed 1:3; 3:22; 8:1; 40:1), “dùng thần khí đem tôi ra” (Ed 1,1-3; 11,24-25; 40,1-4). Tuy nhiên, cũng có tác giả cho rằng đây nên được xem là trình thuật xuất thần qua đó Ê-dê-ki-en thực hiện những hành động tượng trưng. Cf. Margaret S. Odell, *Smyth & Helwys Bible Commentary: Ezekiel*, 454.

² Lapsley, *Jacqueline E 2000, Can These Bones Live? The Problem of the Moral Self in the Book of Ezekiel*, 169.

những bộ xương khô, và phần hai (cc. 12-14)³ hướng đến đối tượng là dân Ít-ra-en, thì câu 11 như là bản lề để nối kết hai phần này lại. Câu này cho thấy những bộ xương khô chính là hình ảnh ẩn dụ để nói về dân Ít-ra-en (11a). Đặc biệt hơn, hai phần trên có cấu trúc trình bày và những điểm gần như là song song hoàn toàn với nhau (như được chỉ ra trong bảng bên dưới).

Hơn nữa, toàn bộ trình thuật Ed 37,1-14 còn cho thấy sự chủ động và đi bước trước của Đức Chúa, chính Ngài dẫn Ê-dê-ki-en vào thị kiến, chính Ngài muốn phục hồi dân. Bên cạnh đó, trình thuật còn cho thấy vai trò trung gian và sự đáp trả trung tín của vị ngôn sứ Ê-dê-ki-en. Nằm trong phần 3 của sách Ê-dê-ki-en, mục đích của trình thuật này chính là để đem lại niềm hy vọng và an ủi cho dân Ít-ra-en đang trong cảnh lưu đày, đang lâm than tuyệt vọng, đến nỗi phải thốt lên "xương cốt chúng tôi đã khô, hy vọng của chúng tôi đã tiêu tan, chúng tôi đã rời đời" (11b). Vì thế, bài viết trước hết sẽ khởi đi từ câu 11 để rồi đọc ngược lại cũng như đọc tiếp tới khi đào sâu ý nghĩa của trình thuật.

Cc. 1-10	Cc. 12-14
Xương không được chôn	Dân được chôn
Nơi thung lũng	Trong mồ
Đức Chúa bảo Ê-dê-ki-en tuyên sấm trên xương khô	Đức Chúa bảo Ê-dê-ki-en Tuyên sấm trên dân Ít-ra-en
Thiên Chúa ban thần khí trên xương	Thiên Chúa sẽ ban thần khí cho dân
Xương được hồi sinh	Dân Ít-ra-en sẽ được hồi sinh
Các người sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa	Các người sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa
Ê-dê-ki-en đã tuyên sấm như Đức Chúa truyền	Ê-dê-ki-en đã tuyên sấm như Đức Chúa truyền ⁴

³ Có tác giả xem phần cc. 11-14 là phần chú giải. Cf. Walther Eichrodt, *Ezekiel - A Commentary*, 509.

⁴ Nói rằng Ê-dê-ki-en đã tuyên sấm cho dân như Đức Chúa truyền ở đây là theo nghĩa mặc nhiên. Vì chính trình thuật này tự nó là lời tuyên sấm của Ê-dê-ki-en cho dân Itrael.

2. Những Bộ Xương Khô - Hoàn Cảnh Của Dân Ít-Ra-En

Như đã được chỉ ra ở phần trên, câu 11 như là trung tâm và bản lề giúp người đọc hiểu được toàn bộ năng động cũng như nối kết giữa hai phần cc.1-10 và cc. 12-14 của phần trình thuật Ed 37,1-14. Tuy nhiên, điểm đặc biệt chú ý ở đây là tại sao dân Ít-ra-en lại được so sánh như là những bộ xương khô? Và hình ảnh “xương khô” nói lên điều gì cho độc giả?

“Bấy giờ, Người phán với tôi: Hỡi con người, các xương đó chính là toàn thể nhà Ít-ra-en. Nay chúng vẫn nói: ‘Xương cốt chúng tôi đã khô, hy vọng của chúng tôi đã tiêu tan, chúng tôi đã rời đời!’” (Ed 37,11).

Ngay ở đầu thị kiến, một khung cảnh hoang tàn và u ám như bao trùm và choáng ngợp. Một thung lũng đầy xương cốt, các xương nằm la liệt, và đã khô đét (cc. 1-2). Đây quả thực là một khung cảnh mà sự chết như thống trị hoàn toàn. Trong não trạng Thánh Kinh, hình ảnh thung lũng được so sánh với hình ảnh núi. Núi được quan niệm là chốn cao, thiêng thánh, "đến đây, ta cùng lên núi Đức Chúa" (Mk 4,2), "ai được lên núi Chúa? Ai được ở trong đền thánh của Người?" (Tv 24,3). Hình ảnh những chiếc “xương khô” nằm tro tro và rải rác khắp trên mặt thung lũng thoát đầu sẽ gây ngạc nhiên cho người nhìn thấy, bởi vì cách thông thường dân Ít-ra-en sau khi chết được chôn trong những ngôi mộ bằng đá.⁵ Do đó, hình ảnh một thung lũng đầy xương khô không được chôn cất nằm vương vãi khắp nơi có thể gợi lên khung cảnh cho thấy một điều gì đó rất khác thường đã và đang xảy ra ở đây!

2.1. Tình Trạng Tội Lỗi

Trước hết, hình ảnh thung lũng đầy xương biểu thị về tình trạng tội lỗi và sự chết đang thống trị dân Ít-ra-en. Trong Ed 39,11-16, ta nhận thấy có hình ảnh về một thung lũng đầy thây người chết, và các xương nằm vương vãi khắp nơi. Đây là khung cảnh Đức Chúa

⁵ Cf. P.S. Johnston, “Afterlife”, 3.

hạch tội Góc, và nơi này là nơi ô uế cần phải được thanh tẩy. Đặc biệt hơn, chúng ta bắt gặp hình ảnh “xương”[עצמות] xuất hiện trong Ed 6, “Ta sẽ chôn cất thân con cái Ít-ra-en trước các ngẫu tượng chúng thờ và sẽ rải xương các người chung quanh bàn thờ của các người” (Ed 6,5).

Quả vậy, hình ảnh “xương” trong Ê-dê-ki-en gắn với việc *phán xét* và *hạch tội* của Đức Chúa đối với con cái Ít-ra-en. Nhưng dân Ít-ra-en đã phạm tội gì?

Trong truyền thống Thánh Kinh, việc dùng hình ảnh ẩn dụ “xương” xuất hiện khá thường xuyên, nhưng chỉ có Ê-dê-ki-en nói đến hình ảnh thung lũng đầy xương. Trong Ed 6,5, xương của dân Ít-ra-en được rải chung quanh bàn thờ, còn thân được đặt trước các ngẫu tượng. Điều này cho thấy rằng dân Ít-ra-en bị phạt nên không được chôn cất, và Đức Chúa còn muốn cho thấy nơi thờ phượng – bàn thờ hiện tại của dân là ô uế (cf. 2V 23,14). Quả vậy, việc thân người chết không được chôn cất là một hình phạt, được thấy trong Ds 19,11-20, Đnl 21,22-23, và có thể tương đồng với việc “trừng phạt kẻ vi phạm hiệp ước” (curse for treaty violation)⁶. Ê-dê-ki-en với xuất thân là một tư tế, ông thấy rất rõ sự ô uế nơi đền thờ, mà sự ô uế nhất chính là việc thờ ngẫu tượng và việc thờ phượng sai nghi thức. Đây ắt hẳn chính là tội lỗi lớn nhất của dân Ít-ra-en mà Ê-dê-ki-en chỉ cho thấy ở đây.⁷ Ất hẳn chính vì lý do này mà nhiều lần Ê-dê-ki-en đã miêu tả hình ảnh Đức Chúa rời bỏ đền thờ (cf. 8,6; 10,1; 11,1).

⁶ Fensham cho rằng phép ẩn dụ Ê-dê-ki-en dùng khi so sánh dân Itrael với những xương khô cần được đọc dưới sự soi sáng về những “hình phạt đối với kẻ phản loạn ở vùng Cận Đông thời cổ đại” (ancient Near Eastern treaty curses). Khi kẻ phản loạn phải chịu sự trừng phạt thậm chí sau khi đã chết. Do đó, hình ảnh thung lũng đầy xương ám chỉ đến sự bất trung và phản bội của dân Giu-đa trong giao ước với Đức Chúa. Cf. Margaret S. Odell, *Smyth & Helwys Bible Commentary: Ezekiel*, 449-450.

⁷ Ka Leung Wong, *The Idea of Retribution In The Book Of Ezekiel*, 248.

2.2. Tình Trạng Tuyệt Vọng

Thứ đến, hình ảnh “xương khô” lột tả tình trạng tuyệt vọng và đau thương của dân Ít-ra-en. Chính dân đã phải thốt lên “xương cốt chúng tôi đã khô, hy vọng của chúng tôi đã tiêu tan, chúng tôi đã rời đời” (11b). Greenberg cho thấy sự tương phản hoàn toàn giữa một bên là xương còn sống (Cn 3,8; 15,30) với một bên là xương khô (Cn 17,22). Ông cho rằng xương khô diễn tả nhấn mạnh sự thất vọng và đau khổ của một người khi bị bỏ rơi (cf. Tv 31,23).⁸ Hơn nữa, đây còn là xương rất khô hoặc hoàn toàn khô nữa,⁹ một sự tuyệt vọng và đau khổ cùng cực. Mặt khác khi phân tích bản văn câu 11b, nhà nghiên cứu Odell có đồng quan điểm với Zimmerli khi lưu ý rằng âm [ēnu] trong cuối mỗi động từ Do Thái ở câu 11 cho thấy rằng lời diễn tả này là một lời than trách và ai ca, mang tính bi thương và xót xa.¹⁰ Dân đã cảm nhận phần nào tội lỗi của mình đáng phải chết và sẽ chết, "Các tội phản nghịch và tội lỗi chúng tôi đã phạm đè nặng trên chúng tôi; chính vì vậy mà chúng tôi phải chết. Chúng tôi còn sống làm sao được?" (Ed 33,10).

2.3. Tình Trạng Lưu Đày

Nhưng suy cho cùng hình ảnh những bộ xương khô đét còn là phản ánh về tình trạng dân đang sống trong hoàn cảnh lưu đày, phải đối đầu với bao thách đố và khủng hoảng. Chính bối cảnh này giúp chúng ta hiểu điều Đức Chúa phán “Ta sẽ đưa các ngươi lên khỏi huyệt và đem các ngươi về đất Ít-ra-en” (c. 12). Tình trạng lưu đày được xem như là “ở trong

⁸ Cf. Margaret S. Odell, *Smyth & Helwys Bible Commentary: Ezekiel*, 453.

⁹ Ê-dê-ki-en mô tả tình trạng của những bộ xương là rất khô (37,2). Trạng từ được dùng để mô tả là “rất” (ASV, ESV, GNV, KJV, NAS, NET, NIV, NKJ, NRS, RSV, TNK, YLT), “hoàn toàn” (NJB, NLT). Cf. Joel Kamsen Tihitshak Biwul, *The Restoration Of The “Dry Bones In Ezekiel 37:1-14*, 4.

¹⁰ Cf. Margaret S. Odell, *Smyth & Helwys Bible Commentary: Ezekiel*, 453.

huyệt”, đã chết. Hỡi là vậy! Những bộ xương khô chính là hình ảnh của dân Ít-ra-en vốn bị xâm chiếm đất và phải đi lưu đày trong một thời gian dài ở Ba-by-lon. Cuộc sống trên đất lưu đày khiến cho dân Ít-ra-en đối diện với cuộc khủng hoảng về mọi mặt, tôn giáo, chính trị, và căn tính của mình nữa. Đất đã bị Ba-by-lon chiếm lấy, vua và dân cũng phải chịu cảnh lưu đày, nền quân chủ cũng mất. Đứng trước hoàn cảnh mờ mịt ấy, những câu hỏi được đặt ra: liệu rằng Đức Chúa có quyền uy hơn thần của người Ba-by-lon (cf. Ed 36,20), hay phải chăng Đức Chúa đã quá tàn nhẫn với họ, và Ngài không ngay thẳng (cf. Ed 18,25). Đã có rất nhiều người từ bỏ niềm tin vào Thiên Chúa. Họ tìm đến với việc thực hành đồng bóng, ma thuật cũng như tin theo thần ngoại, với hy vọng có thể tìm biết và làm chủ được một tương lai vẫn còn mờ mịt và bất ổn (cf. Is 47, Ed 13). Mặt khác, biến cố thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá huỷ còn là cuộc khủng hoảng lớn nhất trong lịch sử của dân Ít-ra-en, khiến tình cảnh của dân càng trở nên bi đát và tuyệt vọng, như là những bộ xương khô đét, hoàn toàn vô vọng.

Tóm lại, bằng lối trình bày song song hình ảnh bộ xương khô với hoàn cảnh dân Ít-ra-en, cùng với những đặc nét miêu tả nhấn mạnh khác, trình thuật cho thấy hoàn cảnh bi ai và vô vọng của dân. Hơn nữa, nếu như người ta vẫn hay nói, nỗi thất vọng lớn nhất chính là khi tự người đó không còn hy vọng vào bản thân họ nữa, thì chính dân Ít-ra-en lúc này cũng đã tự xem mình như thế, không còn chút hy vọng gì, và buông xuôi tất cả.

3. Ngôn Sứ Là Người Có Kinh Nghiệm Để Nói Về Niềm Hy Vọng

Khi dân Ít-ra-en đang bế tắc và tuyệt vọng, tự thấy mình như những bộ xương khô đến nỗi cất lên những lời ai ca bi thảm, ắt hẳn Đức Chúa cũng đã rất đau xót đến nỗi Ngài cũng bật lên một câu thương trách “sao các ngươi lại muốn chết, hỡi nhà Ít-ra-en?” (Ed 33,11). Đức Chúa nhìn thấy sự cùng cực của dân, khi dân đã tự nhìn nhận rằng nơi họ chẳng còn một ý nghĩa sống nào, chẳng còn một hy vọng cứu chữa nào nữa, Người phán với dân ngang qua

vị ngôn sứ của mình rằng: “hỡi dân Ta, này chính Ta mở huyết cho các ngươi, Ta sẽ đưa các ngươi lên khỏi huyết và đem các ngươi về đất Ít-ra-en” (Ed 37,12-13). Đức Chúa đã hành động để phục hồi dân, và Người thực hiện điều này qua tôi trung là ngôn sứ của Người. Trong hoàn cảnh lưu đày, bên cạnh Isaia II, Ê-dê-ki-en đã được Chúa kêu gọi để làm ngôn sứ cho Người, để nâng dậy và mang lại niềm hy vọng cho dân của Đức Chúa.

3.1. Kinh Nghiệm Nhìn Thấy Sự Hiện Diện Của Chúa Trong Nghịch Cảnh

Ngay ở đầu thị kiến, Ê-dê-ki-en thuật lại rằng chính Đức Chúa là Đấng làm chủ và cho ông thấy thị kiến xấp xảy đến. “Tay Đức Chúa đặt trên tôi. Đức Chúa dùng thần khí đem tôi ra, đặt tôi giữa thung lũng” (c. 1a). Những hình ảnh và hành động này được bắt gặp trong các trình thuật thị kiến khác (Ed 1,1-3; 3,22; 8,1; 11,24-25; 40,1-4). Đặc biệt, khi đặt thị kiến bộ xương khô bên cạnh thị kiến Ê-dê-ki-en được kêu gọi và được dành riêng để phục vụ Lời Chúa (Ed 3,22-27), ta thấy có sự song song và tương phản rất rõ giữa *công thức mở đầu* của hai thị kiến như được chỉ ra sau đây.

Thị Kiến Kêu Gọi (Ed 3,22-24)		Thị Kiến Bộ Xương Khô (Ed 37,1-4)	
22a	Tay Đức Chúa đặt trên Ê-dê-ki-en	1a	Tay Đức Chúa đặt trên Ê-dê-ki-en
22b, 24	Người phán với Ê-dê-ki-en hãy ra thung lũng Thần khí nhập vào Ê-dê-ki-en	1b	Đức Chúa dùng thần khí đem Ê-dê-ki-en ra, đặt Ê-dê-ki-en giữa thung lũng
23b	<i>Ê-dê-ki-en thấy vinh quang của Đức Chúa</i>	1c-2	<i>Ê-dê-ki-en thấy thung lũng ấy đầy xương cốt, nằm la liệt, khô đét</i>
24	Đức Chúa phán với Ê-dê-ki-en	4	Đức Chúa phán bảo Ê-dê-ki-en

Hai khung cảnh cho thấy chính nơi thung lũng, nơi mà sự chết thống trị, nơi phơi bày hậu quả của sự trừng phạt và đau khổ của dân Ít-ra-en (c. 1-2) cũng lại nơi Ê-dê-ki-en đã được kêu gọi. Tại giây phút ban đầu ấy, điều mà Ê-dê-ki-en nhìn thấy không phải là sự chết

thống trị nhưng là sự rạng ngời do vinh quang Đức Chúa hiện diện. Điều này vừa cho thấy sự liên tục vừa cho thấy tính mới mẻ trong ơn gọi và sứ mạng của vị ngôn sứ. Ất hẳn, chính kinh nghiệm đùng chạm “trực tiếp” với Thiên Chúa thuở ban đầu đó đã làm nền cho toàn bộ ơn gọi và sứ mạng của Ê-dê-ki-en. Nên giờ đây, khi trình bày một khung cảnh hoang tàn bi thương, không có sức sống và vô vọng ở chính thung lũng, Ê-dê-ki-en ngầm chỉ cho dân thấy sự hiện diện của Đức Chúa ở đó như kinh nghiệm mà ông đã có. Dù thung lũng ấy có đang bị bóng tối tội lỗi thao túng thì Chúa vẫn luôn hiện diện và quan phòng.

3.2. Kinh Nghiệm Về Niềm Hy Vọng Biết Cây Dưa Nơi Chúa

Tiếp đến, Ê-dê-ki-en như bị chất vấn về xác tín và kinh nghiệm của mình có ở trên khi trình thuật thị kiến tiếp tục với lời Đức Chúa hỏi Ê-dê-ki-en: "Hỡi con người, liệu các xương này có hồi sinh được không?", và Ê-dê-ki-en đã thưa với Đức Chúa rằng “Lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, chính Ngài mới biết điều đó" (c. 3). Câu trả lời của Ê-dê-ki-en cho thấy kinh nghiệm và niềm tin vào niềm hy vọng đặt đở ở nơi Chúa. Ông bắt đầu bằng một lời tuyên xưng niềm tin và thờ phượng, tuyên xưng Đức Chúa là Chúa Thượng, uy quyền và toàn năng. Sau đó, câu trả lời tiếp nối với một lời cho thấy chính thái độ nội tâm của ông, ông không còn cậy dựa vào điều gì và vào chính mình nữa, vì ông tin rằng chỉ có Chúa biết và chỉ có Ngài mới có thể làm mọi sự. Để có được thái độ nội tâm với lòng xác tín vào Thiên Chúa như vậy, ắt hẳn Ê-dê-ki-en đã phải trải qua nhiều thử thách và tinh luyện trước đó. Quả vậy khi nhìn lại bước đầu giai đoạn ngôn sứ của Ê-dê-ki-en, chúng ta thấy rằng ông đã gặp rất nhiều sự chống đối và loại trừ từ dân. Ông đã sống và trải qua mối giằng co nội tâm giữa một bên là lời ngôn sứ Chúa truyền phải nói để hạch tội và giúp dân nhận ra tình trạng tội lỗi của mình, với một bên là sự bất lực trước sự cứng lòng và điếc lác của dân. Bên cạnh đó, sự chống đối của các ngôn sứ giả cũng khiến lời của Ê-dê-ki-en bị ảnh hưởng trên dân (Ed 12,2-3). Ê-dê-

ki-en bị cảm là vì vậy (Ed 3,26). Nhưng Ê-dê-ki-en vẫn luôn cho thấy ông trung tín và chu toàn sứ mạng của mình, vì ông luôn tín thác và đặt niềm hy vọng vào Chúa mà thôi.

Thái độ và niềm tin của Ê-dê-ki-en vào Đức Chúa còn thể hiện khi ông được Chúa tiếp tục sai bảo “ngươi hãy tuyên sấm trên các xương ấy” (c. 4), và ông đã vâng lời Đức Chúa. Ê-dê-ki-en dù nhìn thấy sự hoang tàn và dường như vô vọng nơi các xương ấy, vốn là hình ảnh miêu tả tình trạng của dân Ít-ra-en, ông vẫn tín thác vào Đức Chúa và đặt niềm tin vào khả thể dân được phục hồi như Đức Chúa tuyên báo. Trông cậy vào Đức Chúa, Ê-dê-ki-en tin rằng dân có thể được phục hồi. Thế rồi, trong chuỗi những diễn biến của thị kiến, Ê-dê-ki-en tuyên sấm trên các xương khô ấy, và các xương đã được trỗi dậy. Chính Ê-dê-ki-en đã được Chúa chỉ cho thị kiến, và ông đã kinh nghiệm được sự tái sinh nhờ vào quyền năng của Chúa. Trong chính những điều kiện vô vọng và không thể cứu chữa thì Đức Chúa vẫn có thể cứu chữa được. Một lần nữa, chính nơi thung lũng đầy xương vốn vắng bóng sự sống và hy vọng, Ê-dê-ki-en đã tin và kinh nghiệm về quyền năng khuất phục sự chết của Đức Chúa. Vinh quang của Đức Chúa vẫn hiện diện ở đó, dù bên ngoài đất của dân Ít-ra-en, bên ngoài đền thờ, dù là nơi tội lỗi hay sự chết như thống trị, Đức Chúa vẫn luôn hiện diện và cứu chữa dân. Và đây là bước chuyển trong thông điệp của Ê-dê-ki-en mà ông muốn loan báo cho dân: với Chúa mọi sự đều có thể.¹¹

3.3. Kinh Nghiệm Về Sự Tái Sinh Nhờ Thần Khí

Trong giai đoạn đầu của sứ mạng ngôn sứ, Ê-dê-ki-en đã được kêu gọi làm người canh thức (cf. Ed 3,16-21), để phân tích sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem vào năm 587 và rút ra bài học cho dân. Nhưng ở Ed 33,1-9, Ê-dê-ki-en lại được kêu gọi một lần nữa làm người canh thức. Điều đó cho thấy sứ mạng loan báo lời hạch tội và phán xét đã hoàn tất, giờ đây,

¹¹ Walther Eichrodt, *Ezekiel - A Commentary*, 507.

Ê-dê-ki-en trở thành người quan tâm và nhìn thấy những nỗi thống khổ của dân, nhìn thấy sự tuyệt vọng và bi ai của dân, để khích lệ và nâng đỡ. Sứ mạng chính yếu của ngôn sứ luôn luôn là công bố Lời của Chúa cho dân. Lời ấy không bao giờ là cứng nhắc, nhưng luôn gắn với hoàn cảnh của dân, luôn là lời hướng về tương lai và đưa đến niềm hy vọng cho con người. Thực vậy, lời khích lệ an ủi dân không phải chỉ được nói ra trong giai đoạn về sau, lúc thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá hủy, nhưng lời hy vọng ấy đã luôn ấp ủ trong những lời nhắc nhở và hạch tội trước đó (cf. Ed 11,14-21; 16,60-62; 36,26-32...). Đặc biệt, khi dân đã trong cảnh lưu đày, dân như bông xuôi và tuyệt vọng, vị ngôn sứ giờ đây muốn cho dân hiểu và tin vào một sự phục hồi chỉ do bởi Thần Khí của Chúa ban cho.

Ê-dê-ki-en kinh nghiệm về sự sống mới do bởi Thần Khí của Chúa. Trả lời cho dân câu hỏi làm sao dân có thể sống và được phục hồi, thị kiến Ê-dê-ki-en miêu tả cho thấy những bộ xương khô được hồi sinh là nhờ vào uy quyền, nhờ vào Thần Khí của Đức Chúa (cc. 4-10). Cũng vậy, chỉ nhờ bởi thần khí mà dân sẽ được phục hồi (cc. 12-14). “Ta sẽ đặt thần khí của Ta vào trong các ngươi và các ngươi sẽ được hồi sinh. Ta sẽ cho các ngươi định cư trên đất của các ngươi” (Ed 37,14). Có thể nói, toàn bộ trình thuật Ed 37,1-14 cho thấy rất rõ chính kinh nghiệm của Ê-dê-ki-en có và muốn truyền lại cho dân rằng: dù trong tình trạng tội lỗi và sự chết, dân cũng sẽ được hồi sinh như những bộ xương khô. Ấy là sự hồi sinh nhờ vào Thần Khí của Đức Chúa. Phân tích đoạn trình thuật Ed 37,1-14 cho thấy tất cả có 7 lần xuất hiện từ “רוח”. Trong tiếng Do Thái, từ này vừa có nghĩa là “hơi thở” và “gió” và “thần khí”. Nếu đem đối chiếu các câu Ed 37,6.8 với G 10,8.9.11 và St 2, chúng ta sẽ nhận thấy rằng những mô tả ở đây là hình ảnh về một cuộc sáng tạo, hay nói đúng hơn, Ê-dê-ki-en đang mô tả về một cuộc tái tạo bởi Thần Khí sẽ xảy ra với dân.

Ê-dê-ki-en chỉ cho dân thấy rằng nếu dân xem mình là những nắm xương khô thiếu sức sống và tuyệt vọng, thì Chúa có thể hồi sinh nhờ Thần Khí của Chúa, và đem đặt họ trở

lại đất Ít-ra-en như đặt con người trong vườn Ê-đen (Ed 37,14).¹² Rõ ràng với khung cảnh sáng tạo như rất thân quen với độc giả là dân Ít-ra-en,¹³ Ê-dê-ki-en cho dân nhận biết rằng chính nhờ Thần Khí được ban, dân sẽ có được một trái tim mới, một trái tim bằng thịt, để tuân giữ những giới luật và trở nên con cái Thiên Chúa (cf. Ed 11,19-20; 36,26-28). Chính trong kinh nghiệm khi không thể tìm thấy bất cứ lý do nào để trả lời cho câu hỏi tại sao Chúa muốn cứu chữa mình như vậy, vị ngôn sứ mời gọi dân ngộ ra Tình Yêu nhưng không của Chúa. Nhờ đó, dân tự thấy rằng mình cần phải thay đổi, cần phải hoán cải và mở lòng ra với ơn đổi mới của Chúa mang đến.

Tóm lại, ngôn sứ là người nhìn thấy và hiểu cho hoàn cảnh của dân, đụng chạm và đồng cảm với những đau khổ và tuyệt vọng của dân. Bên cạnh đó, vị ngôn sứ cũng vẫn tin thác và cậy dựa vào Chúa, vì tin rằng chỉ cho Thần Khí của Chúa mới có thể hồi sinh và là niềm hy vọng cho dân. Ở đây ta thấy rằng vị ngôn sứ muốn gọi lên cho dân kinh nghiệm về niềm hy vọng. Một niềm hy vọng không dựa trên bất cứ điều gì về phía con người, vì nếu còn dựa vào đó thì sẽ thấy vô vọng. Nhưng niềm hy vọng thực sự chính là khi tin nhận và đặt để cuộc đời của mình vào trong tình yêu thương vô điều kiện của Chúa. Tôi đặt hy vọng vào Người vì Người đã luôn yêu thương và đặt hy vọng nơi tôi trước.

Kết Luận

Có thể nói, sống trong hoàn cảnh lưu đày, dân Ít-ra-en đối diện với biết bao khủng hoảng và đêm tối. Họ như những bộ xương khô đét, đã chết, và vô vọng. Thế nhưng trong

¹² Tác giả quan niệm rằng hình ảnh Chúa đem dân Ít-ra-en trở về đất của mình giống như hình ảnh Chúa lại đặt con người vào vườn Ê-đen của Người. Cf. John F. Kutsko, *Between Heaven And Earth - Divine Presence And Absence In The Book Of Ezekiel*, 133-134.

¹³ Andrew Mein, *Ezekiel and the Ethics of Exile*, 217. Tác giả cho rằng ý nghĩa diễn đặt của những hình ảnh mà ngôn sứ Ê-dê-ki-en sử dụng vốn đã quen thuộc với độc giả là dân Ít-ra-en.

chính hoàn cảnh bi đát ấy, Thiên Chúa vẫn đồng hành với dân của Người qua trung gian vị ngôn sứ. Ất hẳn, “sự hiện diện đẹp nhất của các ngôn sứ chính là việc đồng hành với dân của mình trong những thời khắc tăm tối nhất”.¹⁴ Người ngôn sứ thấu hiểu và mang lấy chính những giới hạn của kiếp người, tội lỗi, bất lực nơi dân. Bên cạnh đó, dù sứ điệp có khi là lên án và hạch tội dân, nhưng suy cho cùng là vì ngôn sứ ấy thi hành sứ mạng trung gian. Vị ngôn sứ cũng mang lấy nỗi khắc khoải khôn nguôi và trăn trở của Chúa, luôn quan tâm yêu thương và muốn dân được tốt hơn, luôn luôn hy vọng và hướng dân về một tương lai phía trước, vì vị ngôn sứ xác tín vào quyền năng của Thần Khí và tình thương xót nhưng không của Người.

Ta thấy rằng hình ảnh của ngôn sứ Ê-dê-ki-en được hiện thực và tròn đầy nơi Đức Kitô. Nhìn thấy nỗi thống khổ và muốn đến để nâng con người lên, Đức Kitô đã nhập thể. Người “chạnh lòng thương” dân Người (cf. Mt 9,36; 14,14; 15,32; 20,34; Mc 1,41; 6,34; 8,2; Lc 7,13), Người nói “vì Con Người đến để cứu cái gì đã hư mất” (Mt 18,11). Có thể nói, Đức Giêsu chính là Đấng hoàn thành niềm hy vọng tối hậu mà Ê-dê-ki-en đã loan báo (cf. Ed 36,25-29; 37.14, 23), Đấng ban Thần Khí để đổi mới con người, và giúp con người sống giới răn tình yêu.¹⁵ Chính Chúa Giêsu đã chuộc lại mạng sống đáng lẽ phải chết do tội của dân! Người đã xuống hỏa ngục và không có nơi nào Người ko đến. Có thể nói, hỏa ngục là tình trạng khi một ai đó mất đi niềm hy vọng của mình, nhưng chính khi ấy Người cũng đến và mang lại niềm hy vọng cho họ. Chúa Giêsu đã làm cho kẻ chết sống lại (câu chuyện về Lazaro ở Ga 11,38). Nhưng hơn thế, cuộc Vượt Qua và sự Phục Sinh của Người đem lại cho

¹⁴ Cao Gia An, “Dân Thân Xã Hội – Chiều Kích Đặc Trưng Của Ôn Gọi Ngôn Sứ”, 129-130.

¹⁵ Gary T. Manning Jr, *Echoes of a Prophet, The Use of Ezekiel in the Gospel of John and in Literature of the Second Temple Period*, 170.

con người ơn sự sống mới.¹⁶ Cho nên, phàm ai ở trong Đức Ki-tô đều là thọ tạo mới” (2Cr 5,17a).

Là những tín hữu, từ khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy và được trao ban Thần Khí, mỗi người cũng mang lấy sứ mạng trở thành ngôn sứ của Thiên Chúa cho thế giới hôm nay. “Ta sẽ đổ Thần Khí Ta trên hết thảy người phàm, con trai con gái các ngươi sẽ trở thành ngôn sứ” (Cv 2,17). Do vậy, mỗi người chúng ta cũng được mời gọi để bước theo Đức Ki-tô, và trở nên một trung gian của Thiên Chúa như Ê-dê-ki-en. Khi cần chúng ta sẵn sàng lên tiếng để sửa dạy và khuyên bảo. Nhưng trước hết chúng ta cần có lòng trắc ẩn, biết chạnh lòng thương và đồng cảm với anh chị em của mình, và biết nói lời đem lại niềm hy vọng và nâng dậy chứ không phải ngược lại. Bất chước Đức Giêsu, chúng ta cần dám tin và đặt hy vọng thậm chí trong những hoàn cảnh thách đố nhất, dám đặt niềm tin vào người anh chị em, và đặt niềm tin vào chính mình nữa, nhờ vào niềm tin và lòng cậy dựa vào Chúa, vì “đối với Thiên Chúa, không gì là không thể làm được” (Lc 1,37).

Cũng vậy, mỗi người tín hữu cần đặt niềm tin vào Thần Khí Chúa, vì “Thần Khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống” (Ga 6.63). Khoa học kỹ thuật và công nghệ ngày nay như giúp con người vươn đến nhiều giới hạn mới, xa hơn lớn hơn, nhưng đó chỉ là những giới hạn trên chiều ngang của các sự vật, của cái có thể làm được và những gì có thể hưởng thụ được. Nhưng mặt khác, chính khi đã chạm đến những giới hạn này, con người dễ cảm thấy hụt hẫng nhưng lại thiếu đi những chỉ dẫn giúp họ đi xa hơn viễn tượng ấy. Thực vậy, chính hiệu quả của Thần Khí Chúa, là bình an, niềm vui, sự sung mãn, tình yêu vị tha, tự do, hy vọng, mới là điều đem lại

¹⁶ Ê-dê-ki-en cũng được gọi là “con người” như Chúa Giêsu được gọi sau này (Ed 37,3.9.11). Manning cho rằng cách thánh sử Gioan miêu tả Chúa Giêsu như là tác nhân của sự sống mới và là sự phục sinh khởi đi từ sách Ê-dê-ki-en. Cf. Gary T. Manning Jr, *Echoes of a Prophet*, 163-164.

cho con người giá trị và động lực sống thực sự. “Hướng đi của tính xác thật là sự chết, còn hướng đi của Thần Khí là sự sống và bình an” (Rm 8,6).

Nhiều người hôm nay cũng đang phải đối diện với biết bao cảnh đổ vỡ và khủng hoảng, mất niềm tin vào cuộc sống và người khác, hay thậm chí không dám đặt hy vọng vào bản thân. Gặp gỡ những hoàn cảnh quá bi đát và đau khổ này, người tín hữu hay cách chung mọi người được mời gọi để đồng cảm và chia sẻ, để đem lại hy vọng và nâng đỡ nhau. Một niềm hy vọng sâu thẳm có được nhờ vào cảm nghiệm sự ân sủng và tình yêu nhưng không được trao tặng trong cuộc đời. Vì khi tôi nhìn thấy những áng mây mù, nghĩa là nơi tôi đã có một ánh sáng ẩn tàng nào đó! Khi sống trong trạng thái này, ắt hẳn mỗi người sẽ đụng chạm và kinh nghiệm được về một niềm hy vọng ngay khi nơi mình chẳng có một lý lẽ và điều gì để hy vọng, và rồi nói lời chia sẻ niềm hy vọng này cho người khác.

Thư Mục Tham Khảo

- Biwul, Joel Kamsen Tihitshak. “The Restoration Of The Dry Bones In Ezekiel 37:1-14”. *Scriptura* 118 (2019:1):1–10. <http://dx.doi.org/10.7833/118-1-1528>.
- Cao, Gia An. “Dân Thân Xã Hội – Chiều Kích Đặc Trưng Của Ôn Gọi Ngôn Sứ”. *Hợp tuyển thần học số 52* (2018): 101–139.
- Eichrodt, Walther. *Ezekiel - A Commentary*. Philadelphia: The Westminster Press, 1970.
- Johnston, P.S. “Afterlife”. In the *Dictionary of the Old Testament Prophets*, edited by Mark J. Boda J. and Gordon McConville, 1–5. Illinois: Intersity Press, 2012.
- Kinh Thánh Trọn Bộ. Ấn Bản 2011*. Bản dịch và chú thích của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (CGKPV). Hà Nội: Nxb. Tôn Giáo, 2011.
- Kutsko, John F. *Between Heaven and Earth: Divine Presence and Absence in the Book Of Ezekiel*. In *Biblical And Judaic Studies From the University Of California* (vol 7), edited by William Henry Propp. Indiana: Eisenbrauns, 2000.
- Lapsley, Jacqueline E. *Can These Bones Live? The Problem of the Moral Self in the Book of Ezekiel*. New York: Walter de Gruyter, 2000.
- Manning Jr, Gary T. *Echoes of a Prophet, The Use of Ezekiel in the Gospel of John and in Literature of the Second Temple Period*. New York: T&T Clark International, 2004.
- Mein, Andrew. *Ezekiel and the Ethics of Exile*. New York: Oxford University Press Inc., 2001.
- Odell, Margaret S. *Smyth & Helwys Bible Commentary: Ezekiel*. Georgia: Smyth & Helwys Publishing, Inc., 2005.
- Wong, Ka Leung. *The Idea of Retribution in the Book Of Ezekiel*. Netherlan: Brill, 2001.